

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 134/2022/HS-ST
Ngày: 22-7-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Vân Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Bà Mai Lương Anh

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Phú – Là thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Đăng Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 102/2022/HSST ngày 12/5/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2022/QĐXXST- HS ngày 02 tháng 06 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Đại C**, tên gọi khác: Bin; sinh ngày 16 tháng 4 năm 1995, tại: Lâm Đồng; nơi ĐKKTT: Thôn A, xã B, huyện D, tỉnh E; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông: Trần Tô V, sinh năm: 1972 và bà Hồ Thị Kim Ng, sinh năm 1977; gia đình có 03 anh em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ sinh năm 2001; Vợ Đoàn Thanh D, sinh năm 1996; có 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không. Bị bắt theo lệnh truy nã ngày 15/4/2022. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa: Luật sư Nguyễn Thị Kim L. Văn phòng luật sư Nguyễn L – Đoàn luật sư tỉnh A, bào chữa cho bị cáo. Luật sư có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Đại C và Hoàng Phú T là bạn bè với nhau, ngày 10/8/2016 C bị thương tích nên điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng nên chiều ngày

13/8/2016, T đến bệnh viện thăm C. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T ra về, khi đi đến bãi để xe của bệnh viện thì T phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Exciter, màu trắng – xanh, biển số 49D1-184.06 của anh Bùi Trần H gửi ở đây, trên cốp xe còn gắn chìa khóa nên đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này làm phương tiện đi lại. Thực hiện ý định trên, T đi đến lấy chìa khóa ở cốp xe mở ổ khóa điện rồi sử dụng phiếu giữ xe của T là xe Sirius màu đỏ - đen, biển số 49N7 -7972 đưa cho anh Nguyễn Văn Ph (là bảo vệ nhà xe bệnh viện) rồi lấy xe biển số 49D1-184.06 chạy về phòng trọ của T ở 4B khu A, phường B, thành phố C cất giấu. Đến sáng ngày hôm sau, T quay lại bệnh viện để thăm C và nói với C *“Tôi qua tao có lấy trộm 01 xe mô tô Exciter ở bãi xe do người ta quên chìa khóa, bây giờ không biết phải làm sao”*, thì C trả lời *“Mày cứ đem xe về nhà tao cất đi rồi tính sau”*. Sau đó, T và C mang xe mô tô Exciter mà T lấy được về nhà của C ở số 33 xã A, huyện B, tỉnh C cất giấu. Sau khi cất giấu chiếc xe, T chở C về bệnh viện tiếp tục điều trị còn T đi Nha Trang làm việc. Đến ngày 24/8/2016, sau khi ra viện về nhà do không có xe đi lại nên C đã tháo biển số xe trên ra và gắn biển số khác vào sử dụng thì bị cơ quan Công an phát hiện bắt giữ cùng tang vật.

Đối với hành vi của Hoàng Phú T, là người đã sử dụng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt chiếc xe máy nhãn hiệu Exciter, màu trắng – xanh, biển số 49D1-184.06 có giá trị 24.750.000 đồng rồi cùng C mang đi cất giấu tại nhà của C. Tại Bản án số 53/2017/HSPT, ngày 22/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã xử phạt Hoàng Phú T 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*.

Đối với phần trách nhiệm dân sự và vật chứng đã được giải quyết tại Bản án số 54/2017/HSPT, ngày 14/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng nên không đề cập đến.

Tại Bản cáo trạng số 107/CT-VKS ngày 12/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt đã truy tố bị cáo Trần Đại C về tội *“Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”* theo quy định tại Khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố phát biểu quan điểm vụ án, giữ nguyên bản cáo trạng truy tố và đề nghị:

Áp dụng Khoản 1 Điều 250; điểm h, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Luật sư bào chữa cho bị cáo:

Đồng ý với tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo, vì nể nang T là bạn của bị cáo nên khi biết T trộm cắp xe máy, bị cáo nói với T tạm thời đưa về nhà bị cáo cất giấu chứ không nhằm mục đích mua bán nhằm tư lợi cho bản thân. Do tính chất công việc bị cáo phải đi làm xa nên không biết việc cơ quan điều tra truy nã. Vì vậy, đề nghị xem xét cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

Tại phiên tòa bị cáo không khiếu nại bản cáo trạng, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng*: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại nào về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo*:

Bị cáo biết rõ Hoàng Phú T dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt chiếc xe máy của người khác để tại bãi giữ xe của bệnh viện, nhưng vẫn nói T đem về nhà bị cáo để cất giấu, trong quá trình cất giấu tại nhà bị cáo, bị cáo là người tháo biển số xe để làm phương tiện đi lại, chiếc xe máy mà Hoàng Phú T chiếm đoạt có giá trị 24.750.000 đồng. Hành vi của bị cáo bị viện kiểm sát truy tố về tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*” như cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Hành vi của bị cáo thực hiện trước thời điểm Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên khung hình phạt tại Khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nặng hơn. Vì vậy Viện kiểm sát áp dụng Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 và truy tố bị cáo theo quy định tại Khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để áp dụng những quy định có lợi cho bị cáo là đúng quy định.

[3] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[4] *Về hình phạt*: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nên cần áp dụng mức hình phạt phù hợp. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và thời hạn tạm giam đã đủ tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung vì vậy áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo, để bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội. Bị cáo chưa có nghề nghiệp ổn định nên cần miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Bị cáo đã bị tạm giữ 03 (ba) tháng 07 (bảy) ngày tù, tính từ ngày 15/4/2022 đến ngày 22/7/2022, nên được trừ 09 (chín) tháng 21 (hai mươi một) vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

[5] *Về án phí*: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Đại C phạm tội "*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*".

2. Áp dụng Khoản 1 Điều 250, điểm h, p Khoản 1 Điều 46; Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Trần Đại C 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian 09 (chín) tháng 21 (hai mươi một) ngày. Bị cáo còn phải chấp hành 02 (hai) tháng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh C nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trần Đại C cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh C giám sát, giáo dục và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Trần Đại C phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đà Lạt;
- Công an thành phố Đà Lạt;
- THA thành phố Đà Lạt;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA phạt tù;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hà Vân Hồng